TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 9 - 2025
V/v "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đường
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Bàn
Bà Bùi Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Ptham gia phiên tòa: Ông Đoàn T Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố E, phường S nay là phường Y, tỉnh P (có mặt);

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Phú Lâm, xã T, tỉnh P (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Văn T: Bà Văn Thị Thanh H – Luật sư Công ty TNHH A

Địa chỉ: Số 170 Nguyễn Văn Linh, phường V, tỉnh P (có mặt)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường S nay là phường Y, tỉnh P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2025 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị B kết hôn ngày 08 tháng 09 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Y, tỉnh V (Nay là phường Y, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố E. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận đến khoảng tháng 3 năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Bị đơn chị Hoàng Thị B tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải chị B trình bày: Chị xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin đoàn tụ để nuôi con chung.

Về con chung: Anh T và chị B có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 04/07/2010; cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 17/11/2015; cháu Phạm Phương L, sinh ngày 17/11/2017 và cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 16/01/2024. Hiện nay cháu N và cháu L đang ở cùng với anh T, cháu A và cháu T đang ở cùng chị B.

Ly hôn anh T yêu cầu nuôi cháu N và cháu L để chị B nuôi cháu Ngọc Avà cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về thu nhập anh T làm công nhân tại Công ty TNHH xe buýt DAEWOO Việt Nam, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng. Chị B có thu nhập từ nhà trọ cho thuê từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 05/5/2025 chị B đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị B đến Tòa để làm các thủ tục về yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tuy nhiên chị B không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị B trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn T xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị B; Xử về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 04/07/2010 và cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 16/01/2024 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Phạm Phương L, sinh ngày 17/11/2017 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho

nhau; Về tài sản chung, tài sản riêng: công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết; về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn chị Hoàng Thị B có địa chỉ tại số 45, ngõ 5, tổ dân phố E, phường S (Nay là phường Y, tỉnh P). Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Chị Hoàng Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng chị B vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Anh T và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn chị B tại phiên hòa giải xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin đoàn tụ. Tòa án đã triệu tập anh chị đến Tòa án để hòa giải nhưng chị B không đến Tòa làm việc, điều đó thể hiện việc chị B xin đoàn tụ là không đúng mong muốn của chị, mặt khác chị B cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xác minh tại địa phương được cung cấp anh chị có mâu thuẫn với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T cho anh T được ly hôn với chị B.

[2.1]. Về con chung: Anh T và chị B có 04 con chung là cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 04/07/2010; cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 17/11/2015; cháu Phạm Phương L, sinh ngày 17/11/2017 và cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 16/01/2024. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị B. Ly hôn anh T và chị B đề nghị nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi con của anh T và chị B là chính đáng. Hiện nay cháu Ngọc A đang học tại trường THPT Kim Ngọc, phường Y, tỉnh P và cháu T còn nhỏ nên cần giao cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đối với cháu

N và cháu L hiện nay đang học tại trường tiểu học Kim Đồng, xã T, tỉnh P nên cần giao cho anh T nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị B đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.2]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị B.

1.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc A, sinh ngày 04/07/2010 và cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 16/01/2024 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao cháu Phạm Khánh N, sinh ngày 17/11/2015 và cháu Phạm Phương L, sinh ngày 17/11/2017 cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết.

1.3. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006504 ngày 27 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - P, anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

1.4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 9 -Phú Thọ;*
- *UBND phường Y;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Đường